TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2023/DS-PT.
Ngày 16- 6- 2023.
V/v "Tranh chấp lối đi qua bất động sản liền kề".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà.

Bà Võ Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:

Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2023/TLPT - DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp lối đi qua bất động sản liền kề"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 100/2023/QĐ - PT ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Hữu R, sinh năm 1951 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:*

1. Chị Nguyễn Thị Xuân Đ, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 3D/4, ấp Tân Bình, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

2. Chị Trần Kim T, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Trần Kim T1, sinh năm 1975 (Có mặt).

2. Anh Hồ Văn P, sinh năm 1995 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Thị Xuân Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại đơn khởi kiện ngày 28/6/2022, đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 09/8/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/3/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Hữu R *trình bày:*

Ông Trương Hữu R đứng tên quyền sử đất thửa 775, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.941,4m^2, loại đất ONT + CLN và thửa 71, diện tích 104m^2, loại đất ONT + CLN, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Thửa đất này nằm phía sau thửa 59, tờ bản đồ số 5, diện tích 275,7m^2, loại đất ONT + CLN, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do chị Nguyễn Thị Xuân Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ).

Gia đình ông R muốn đi ra đường công cộng phải đi qua phần đất thuộc thửa 59 của chị Đ. Nguồn gốc thửa 59 trước đây là của mẹ ruột chị Trần Kim T có cho gia đình ông lối đi ra đường công cộng từ năm 1970 cho đến nay, ngoài lối đi này ông không có lối đi nào khác ra đường công cộng. Năm 2012 ông có đầu tư làm đường bê tông và có làm hàng rào lưới B40, trụ đá.

Ngày 23/4/2022 Trần Kim T, Hồ Văn P có ký vào biên nhận sang nhượng đường đi với ông chiều ngang 4m, chiều dài 8m với giá 30.000.000đ nhưng ông chỉ đưa trước 20.000.000đ, sau đó chị T đổi ý không đồng ý chuyển nhượng phần đất làm lối đi cho ông, chị T đã trả lại tiền đầy đủ nên ông không yêu cầu gì đối với chị T, anh P về số tiền này.

Đến tháng 5/2022 chị Trần Kim T chuyển nhượng thửa 59 cho chị Nguyễn Thị Xuân Đ, trong đó có phần lối đi của ông. Hiện tại trên phần đất ông yêu cầu mở lối đi, vào đầu tháng 3/2023 chị Đ đã kéo lưới B40 (chiều ngang 2,5m, chiều

dài 20m) và 06 trụ đá, rào lại không cho gia đình ông đi trên lối đi này, vì vậy hiện nay ông phải xin đi tạm đường trong vườn của người khác để ra đường công cộng.

Nay ông yêu cầu chị Nguyễn Thị Xuân Đ tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40 và 06 trụ đá, mở cho ông lối đi theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 22/3/2023, phần đất thuộc tách 59-1, diện tích 23m^2, loại CLN, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do chị Nguyễn Thị Xuân Đ đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ. Ông đồng ý trả giá trị đất cho chị Đ với giá 4.000.000đ/m^2, ông không bồi hoàn giá trị hàng rào lưới B40 và 06 trụ đá.

Đối với chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ ông R tự nguyện nộp toàn bộ.

Ông R rút lại yêu cầu khởi kiện đối với chị Trần Kim T.

- *Bị đơn chị* Nguyễn Thị Xuân Đ *trình bày:*

Ngày 08/5/2022 chị ký hợp đồng đặt cọc với chị Trần Kim T để nhận chuyển nhượng phần đất thuộc thửa 59, hiện tại thửa 59 do chị đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, giá chuyển nhượng 6.000.000đ/m^2, sau khi chị đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, chị Đ cho chị T thuê lại đất và nhà để ở với giá 1.000.000đ/tháng.

Trước khi nhận chuyển nhượng chị có hỏi chị T lối đi của gia đình ông R có giấy tờ gì không thì chị T nói có kêu ông R bán lối đi nhưng ông R không mua nên chị đồng ý nhận chuyển nhượng QSDĐ thửa 59. Sau khi chị đứng tên thửa 59 thì ông R yêu cầu mở lối đi chiều ngang 4m, chiều dài 8m tại thửa 59 nên chị không đồng ý.

Hiện tại trên phần đất ông R yêu cầu mở lối đi, vào đầu tháng 3/2023 chị có kéo lưới B40 ngang cặp đường công cộng để bảo vệ tài sản. Nếu Tòa án mở lối đi cho ông R thì chị tự nguyện tháo dỡ di dời lưới B40 (chiều ngang 2,5m, chiều dài 20m) và 06 trụ đá, chị không yêu cầu ông R trả chi phí.

Nếu ông R yêu cầu mở lối đi thì chị đồng ý chuyển nhượng QSDĐ cho ông R phần đất thuộc tách 59-1, diện tích 23m^2, loại CLN và tách 59-2, diện tích 48,4m^2, loại CLN, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long với giá 6.500.000đ/m^2, vì phần đất của chị có diện tích chiều ngang nhỏ, còn nếu chuyển nhượng thửa tách 59-1 thì phần đất còn lại thửa 59-2 chị không thể chuyển nhượng được cho người khác.

Nay theo yêu cầu của ông R chị không đồng ý, nếu ông R có nhu cầu mở lối đi chị đồng ý chuyển nhượng QSDĐ lại cho ông R thuộc tách 59-1, diện tích 23m^2, loại CLN và tách 59-2, diện tích 48,4m^2, loại CLN, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long với giá 6.500.000đ/m^2.

- *Bị đơn chị* Trần Kim T *trình bày:*

Nguồn gốc phần đất thuộc thửa 59, tờ bản đồ số 5, diện tích 275,7m^2, loại đất ONT + CLN, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long trước đây của mẹ của chị là bà Trịnh Thị B, khi bà B còn sống có cho gia đình ông R đi nhờ qua phần đất thửa 59 để đi ra đường công cộng. Bà B chỉ cho gia đình ông R đi nhờ chứ không có mua bán gì.

Sau khi bà B chết, thửa 59 do chị nhận thừa kế, ông R yêu cầu mua lối đi chiều ngang 4m, chiều dài 8m tại thửa 59 với giá 30.000.000đ. Ngày 23/4/2022 ông R có đưa tờ giấy và 20.000.000đ kêu chị ký tên để làm hợp đồng chuyển nhượng đất nhưng khoảng 10 ngày sau chị mang tiền lại trả cho ông R vì chị cần tiền trả nợ nên yêu cầu ông R chuyển nhượng hết thửa 59 nhưng ông R nói là không có tiền mua, chỉ mua phần lối đi.

Sau đó chị chuyển nhượng thửa 59 cho chị Nguyễn Thị Xuân Đ với giá 6.000.000đ/m^2, hiện tại thửa 59 do chị Nguyễn Thị Xuân Đ đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ và chị có thuê nhà và đất lại ở với giá 1.000.000đ/tháng.

Hiện tại thửa 59 do chị Đ đứng tên, nếu ông R có yêu cầu mở lối đi thì do chị Đ quyết định, chị không có ý kiến gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị* Trần Kim T1 *và anh* Hồ Văn P *thống nhất theo tình bày của chị* Trần Kim T *và không có yêu cầu gì.*

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Áp dụng các Điều 157, 165, 228, 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 95, Điều 171, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 245, 248, 254 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hữu R.

Buộc chị Nguyễn Thị Xuân Đ dành cho ông Trương Hữu R một lối đi chung chiều ngang phía trong giáp thửa 775 của ông R là 3.09m, chiều ngang phía giáp lộ là 2,35m, chiều dài từ giáp thửa 775 của ông R ra đến lộ công cộng theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 22/3/2023 có tổng diện tích là 23m^2, phần đất lối đi tại thửa 59-1 gồm các mốc 1,2,3,9,8,1, tờ bản đồ số 5, loại đất CLN, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do chị Nguyễn Thị Xuân Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Buộc chị Nguyễn Thị Xuân Đ phải tháo dở, di dời hàng rào lưới B40 (Chiều ngang 2,5m, chiều dài 20m) và 06 trụ đá ra khỏi phần lối đi dành cho ông Trương Hữu R.

Công nhận sự tự nguyện của ông Trương Hữu R đền bù thiệt hại về sử dụng lối đi cho chị Nguyễn Thị Xuân Đ với số tiền là 92.000.000đ (Chín mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với bất động sản liền kề theo quy định của pháp luật, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hữu R yêu cầu mở lối đi đối với chị Trần Kim T, lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo các của đương sự.

- Ngày 04/5/2023 bị đơn chị Nguyễn Thị Xuân Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc chị phải mở lối đi theo Trích đo ngày 22/3/2022 phần đất tách 59-1, diện tích 23m^2, loại đất CLN tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:* Các đương sự có mặt không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Giữa nguyên đơn ông Trương Hữu R và bị đơn chị Nguyễn Thị Xuân Đ thỏa thuận thống nhất được với nhau toàn bộ các vấn đề giải quyết trong vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị Xuân Đ đồng ý mở cho ông Trương Hữu R một lối đi chung chiều ngang phía trong giáp thửa 775 của ông R là 3.09m, chiều ngang phía giáp lộ là 2,35m, chiều dài từ giáp thửa 775 của ông R ra đến lộ công cộng theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 22/3/2023 có tổng diện tích là 23m^2, phần đất lối đi tại thửa 59-1 gồm các mốc 1,2,3,9,8,1, tờ bản đồ số 5, loại đất CLN, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do chị Nguyễn Thị Xuân Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị Nguyễn Thị Xuân Đ đồng ý tháo dở, di dời hàng rào lưới B40 (Chiều ngang 2,5m, chiều dài 20m) và 06 trụ đá ra khỏi phần lối đi dành cho ông Trương Hữu R.

Ông Trương Hữu R đồng ý đền bù thiệt hại về sử dụng lối đi cho chị Nguyễn Thị Xuân Đ với số tiền tổng cộng chung là 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Ông Trương Hữu R có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với bất động sản liền kề theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Kim T, chị Trần Kim T1 và anh Hồ Văn P đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông R và chị Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có mặt đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ Khoản 2 Điều 12 và Khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 qui định về mức thu miễn giảm phí, lệ phí Tòa án. Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn, công nhận sự thỏa thuận Nguyên đơn đồng ý trả giá trị đất mỗi mét vuông 6 triệu đồng tại tách thửa 59-1, diện tích 23 m^2 sử dụng làm lối đi tương đương nhận số tiền 138.000.000 đồng = (23m^2 x 6.000.000 đồng /m^2), bị đơn thống nhất.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm, bị đơn kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:* Đơn kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Xuân Đ đúng về hình thức, nội dung và còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung:*

[1] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm: Giữa nguyên đơn ông Trương Hữu R và bị đơn chị Nguyễn Thị Xuân Đ thỏa thuận thống nhất được với nhau toàn bộ các vấn đề giải quyết trong vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị Xuân Đ đồng ý mở cho ông Trương Hữu R một lối đi chung chiều ngang phía trong giáp thửa 775 của ông R là 3.09m, chiều ngang phía

giáp lộ là 2,35m, chiều dài từ giáp thửa 775 của ông R ra đến lộ công cộng theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 22/3/2023 có tổng diện tích là 23m^2, phần đất lối đi tại thửa 59-1 gồm các mốc 1,2,3,9,8,1, tờ bản đồ số 5, loại đất CLN, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do chị Nguyễn Thị Xuân Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị Nguyễn Thị Xuân Đ đồng ý tháo dở, di dời hàng rào lưới B40 (Chiều ngang 2,5m, chiều dài 20m) và 06 trụ đá ra khỏi phần lối đi dành cho ông Trương Hữu R.

Ông Trương Hữu R đồng ý đền bù thiệt hại về sử dụng lối đi cho chị Nguyễn Thị Xuân Đ với số tiền tổng cộng chung là 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Ông Trương Hữu R có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với bất động sản liền kề theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Kim T, chị Trần Kim T1 và anh Hồ Văn P đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông R và chị Đ.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST, ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo là chị Nguyễn Thị Xuân Đ không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị Đ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hữu R yêu cầu mở lối đi đối với chị Trần Kim T, chi phí đo đạc, định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Trương Hữu R và bị đơn chị Nguyễn Thị Xuân Đ; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST, ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Áp dụng: Các Điều 157, 165, 228, 244 và 293 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 95, Điều 171, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 245, 248, 254 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử;

1. Buộc chị Nguyễn Thị Xuân Đ có nghĩa vụ mở cho ông Trương Hữu R một lối đi chung chiều ngang phía trong giáp thửa 775 của ông R là 3.09m, chiều ngang phía giáp lộ là 2,35m, chiều dài từ giáp thửa 775 của ông R ra đến lộ công cộng theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 22/3/2023 có tổng diện tích là 23m^2, phần đất lối đi tại thửa 59-1 gồm các mốc 1,2,3,9,8,1, tờ bản đồ số 5, loại đất CLN, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do chị Nguyễn Thị Xuân Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Có kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L cung cấp đề ngày 22/3/2023).

Buộc chị Nguyễn Thị Xuân Đ tháo dở, di dời hàng rào lưới B40 (Chiều ngang 2,5m, chiều dài 20m) và 06 trụ đá ra khỏi phần lối đi dành cho ông Trương Hữu R.

Buộc ông Trương Hữu R đền bù thiệt hại về sử dụng lối đi cho chị Nguyễn Thị Xuân Đ với số tiền tổng cộng chung là 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Trương Hữu R có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với bất động sản liền kề theo quy định của pháp luật.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hữu R yêu cầu mở lối đi đối với chị Trần Kim T, chi phí đo đạc, định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND huyện Long Hồ: 01b;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Trường